

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 11

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 11

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Bùi Nguyễn Ngọc Trâm	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Trần Thị Thùy Linh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Lương Ngọc Minh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Trần Thiên Trúc	Giáo viên	Thư ký hội đồng	
5	Lê Thị Anh	CTCD	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thị Hoài Thương	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
7	Đinh Thị Ngọc Diễm	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Ngọc Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Thùy Linh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Bích Nga	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Thu Hà	Thủ quỹ - Y tế	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	21
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	24
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	35
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	41
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	49
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	56
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	58
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	63
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	64
Mở đầu	64

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	64
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	71
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	74
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	76
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	79
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	81
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	82
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				

Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 11.

Tên trước đây (nếu có): Mẫu giáo Kim Đồng.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Bùi Nguyễn Ngọc Trâm
Huyện/quận/thị xã/ thành phố	Tân Bình	Điện thoại	028.38644827
Xã / phường/thị trấn	11	Fax	Không
Đạt CQG	CD1	Website	mn11tanbinh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2000	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến	02	02	02	02	02

36 tháng tuổi					
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	03	03	03	03	03
Cộng	13	13	13	13	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

T T	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	13	13	13	13	13	
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	03	03	03	03	04	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	02	02	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	01	02	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	08	08	08	09	09	
1	Phòng kiên	07	07	07	08	08	

	cố						
2	Phòng bán kiên cố	01	01	01	01	01	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	25	25	25	26	27	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: (tháng 12 năm 2020).

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	01	00	00	02	
Giáo viên	29	29	03	00	01	28	
Nhân viên	14	11	00	02	11	01	
Cộng	46	43	04	02	12	32	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	30	29	30	29	30
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	10 trẻ em/ giáo viên	13 trẻ em/ giáo viên	9,5 trẻ em/ giáo viên	11 trẻ em/ giáo viên	09 trẻ em/ giáo viên
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo	00	00	00	00	00

	viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	24 trẻ em/giáo viên	23 trẻ em/giáo viên	22 trẻ em/giáo viên	21,5 trẻ em/giáo viên	20 trẻ em/giáo viên
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	04	05	05	05	04
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	547	556	518	510	464	
	- Nữ	272	266	259	255	175	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	01	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	145	160	149	130	134	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	

6	Bán trú	547	556	518	510	464	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	48 trẻ/ lớp	46 trẻ/ lớp	45 trẻ/lớp	43 trẻ/lớp	40 trẻ/lớp	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	29 trẻ/ lớp	36 trẻ/ lớp	28 trẻ/lớp	31 trẻ/lớp	26 trẻ/lớp	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	3	0	5	7	2	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	34	47	34	41	39	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	80	97	75	77	65	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	142	112	112	112	98	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	153	150	136	121	128	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	135	150	156	152	132	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường hoạt động từ tháng 4 năm 1976 với tên gọi là trường Mẫu giáo Kim Đồng do Ủy ban Nhân dân Phường 11 quận Tân Bình tiếp quản từ cơ sở trường dẹt khu Bảy Hiền theo Quyết định số 71108/QĐ-UB ngày 09 tháng 7 năm 1996 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2000, được đổi tên là trường Mầm non 11 theo Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình. Trường gồm 01 điểm chính tọa lạc tại số 19C đường Tái Thiết, Phường 11, quận Tân Bình.

Trường Mầm non 11 được xây dựng mới và đưa vào hoạt động từ tháng 9 năm 2006 với môi trường khang trang, thoáng mát, an toàn, có 03 tầng (01 trệt, 02 lầu) với tổng diện tích sử dụng là 3,583 m², gồm 13 lớp học và 03 phòng chức năng, 07 phòng làm việc, đến nay đã đưa vào sử dụng được 14 năm. Nhà trường có hệ thống trang thiết bị đầy đủ đáp ứng cho công tác nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ. Hàng năm, nhà trường đều tham mưu cải tạo sửa chữa và trang bị, mua sắm trang thiết bị đồ dùng đồ chơi nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ và hoàn thiện hơn về cơ sở vật chất theo hướng hiện đại.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình, chính quyền địa phương, sự chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng với sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh, trong những năm qua trường đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng, tạo được niềm tin nơi cha mẹ học sinh. Tháng 02 năm 2011, trường được công nhận Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo tháng 11 năm 2011. Năm 2014, trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2. Qua quá trình nỗ lực phấn đấu của tập thể sư phạm từ năm học 2015 - 2016 đến nay, nhà trường luôn duy trì chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 05 năm liền; Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2017 - 2018; Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban Nhân dân Thành phố (đã trình Ủy ban Nhân dân Thành phố theo Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình)

Trường Mầm non 11 đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Năm học 2020 - 2021, trường có 29/29 giáo viên đạt chuẩn về trình độ, trong đó trên chuẩn là 28/29, đạt tỷ lệ 96,6%. Tổng số học sinh của trường là 368 trẻ được chia thành 13 nhóm lớp từ nhóm trẻ 06 - 18 tháng đến lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

Chi bộ trường Mầm non 11 hiện nay có 17 đảng viên, nhiều năm liền đạt “Trong sạch vững mạnh” và “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Bên cạnh đó, Công đoàn của nhà trường nhiều năm liền đạt “Vững mạnh xuất sắc” và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt “Vững mạnh”. Ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Mục đích tự đánh giá

Với quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, giữ vững danh hiệu cao quý cùng với sự tín nhiệm từ phía cha mẹ học sinh, các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, Trường Mầm non 11 thực hiện Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học, năm học 2020 - 2021 đã tiến hành công tác tự đánh giá với mục đích xác định những điểm mạnh, điểm hạn chế của đơn vị và có kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường Mầm non 11 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non, trường

Mầm non 11 tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

- Tuần 2 tháng 3 năm 2020: Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xây dựng kế hoạch tự đánh giá. Hội đồng sư phạm nhà trường phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Tuần 3 tháng 3 năm 2020: Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Cá nhân hoặc nhóm công tác thực hiện thu thập minh chứng liên quan đến từng tiêu chí theo sự phân công của chủ tịch hội đồng. Mã hóa các minh chứng thu được. Cá nhân hoặc nhóm công tác viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

- Tuần 1 tháng 4 năm 2020: Hội đồng tự đánh giá thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Cá nhân hoặc nhóm công tác báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá. Dự thảo báo cáo tự đánh giá. Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

- Tuần 3 tháng 4 năm 2020: Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá đã được điều chỉnh. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp. Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

- Tuần 3 tháng 6 năm 2020: Hoàn thiện và công bố báo cáo tự đánh giá.

- Tháng 10 năm 2020: Thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 11 xây dựng đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các hội đồng trong nhà trường luôn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố, công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia

của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Định kỳ 05 năm, nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, giúp trẻ em phát triển toàn diện các lĩnh vực, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một, phù hợp với mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục (Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015) [H1-1.1-01], phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02]; phát huy tốt vai trò lãnh đạo; luôn nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng và có kế hoạch cụ thể cho công tác huy động các nguồn lực; sử dụng tiết kiệm đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn lực; công khai các nguồn lực đã huy động.

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường (số 77/KHCL-MN11 ngày 25 tháng 9 năm 2015) đã trình và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình phê duyệt và được triển khai thực hiện trong những năm qua [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được niêm yết tại bảng thông tin nội bộ của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Dựa trên phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, trường Mầm non 11 xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch tháng. Hiệu trưởng phân công cụ thể các thành viên trong Hội đồng trường giám sát việc thực hiện theo từng bộ phận chuyên môn, hằng tháng họp có đầy đủ Nghị quyết và kế hoạch công tác của từng bộ phận trong nhà trường, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sơ kết và tổng kết năm học [H1-1.1-01].

Mức 3:

Ban giám hiệu thực hiện rà soát phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển bám vào mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của năm học để bổ sung, điều chỉnh cho giai đoạn

tiếp theo phù hợp tình hình thực tế của đơn vị. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh. Tuy nhiên việc rà soát, bổ sung, kiểm tra đánh giá điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thực hiện thường xuyên [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cơ bản có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, của địa phương qua từng giai đoạn được cấp quản lý phê duyệt và công khai đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hiệu trưởng thực hiện việc xây dựng phương hướng, chiến lược nghiêm túc làm nền tảng cho tập thể cùng nhau phấn đấu và hoàn thành tốt các nội dung đề ra trên tinh thần trách nhiệm cao của từng cá nhân.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung, kiểm tra đánh giá điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục động viên đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công để đảm bảo thực hiện đúng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn. Hàng tháng, hàng quý cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rà soát, bổ sung, điều chỉnh khi có vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, tăng cường hình thức công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử để tuyên truyền đến phụ huynh và cộng đồng xã hội nhằm thiết lập mối quan hệ từ phía phụ huynh và các mạnh thường quân hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ, cùng tham gia giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để có sự bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11 có Hội đồng trường được thành lập theo quy định gồm 09 thành viên được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình công nhận theo Quyết định số 212/QĐ-GDĐT ngày 23 tháng 04 năm 2020 [H1-1.2-01]. Hội đồng trường có Chủ tịch là bà Bùi Nguyễn Ngọc Trâm, thư ký là bà Nguyễn Trần Thiên Trúc và các thành viên khác là những người đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ quản lý, Công đoàn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Ngoài ra, vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường được thành lập vào đầu năm học [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh được thành lập trước khi khai giảng năm học mới [H1-1.2-03]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi [H1-1.2-05]; Hội đồng nhà trường và các hội đồng khác được thành lập đúng theo quy định tại Văn bản 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non.

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và có trách nhiệm trong việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; thực hiện tốt công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường [H1-1.2-06].

Hội đồng Thi đua, khen thưởng thành lập vào đầu mỗi năm học gồm các thành phần: Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, các thành viên gồm: Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng, đại diện Ban Thanh tra nhân dân. Hội đồng thi đua - khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-02].

Hội đồng khoa học do hiệu trưởng thành lập vào tháng 9 hằng năm thành phần gồm hiệu trưởng là Trưởng ban, các thành viên khác: 02 phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn và các tổ trưởng chuyên môn. Hội đồng khoa học có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng đánh giá các sáng kiến cải tiến, phát hiện các sáng kiến có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.2-04].

Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi do hiệu trưởng thành lập, thành phần gồm hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, các thành viên khác: 02 phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, các tổ trưởng chuyên môn và đại diện Ban Thanh tra nhân dân. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi đánh giá năng lực sư phạm của giáo viên, tìm ra những giáo viên tài năng nổi trội trong đội ngũ giáo viên nhà trường [H1-1.2-05].

Các hội đồng hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường:

- Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực; gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.2-01].

- Hội đồng thi đua - khen thưởng theo dõi, nắm bắt việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đề xuất khen thưởng kịp thời, công khai, công bằng tạo động lực cho các cá nhân phát huy tác dụng, sáng tạo, cùng nhau nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-02].

c) Hội đồng nhà trường họp định kỳ để rà soát đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.2-01], việc thực hiện Quy chế dân chủ theo quy định [H1-1.2-07]. Các hội đồng khác được họp vào cuối học kỳ và cuối năm học nhằm giúp hiệu trưởng rà soát đánh giá việc tổ chức tốt phong trào thi đua; chấm giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến kinh nghiệm; đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ giáo

viên, nhân viên trong nhà trường. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng trường và các hội đồng khác còn triệu tập những phiên họp bất thường để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh, cấp bách tại đơn vị.

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị như: giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.2-01]; Tổ chức tốt các phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ [H1-1.2-02]; Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm xét sáng kiến kinh nghiệm và nộp về Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình đúng thời gian quy định [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường tham gia dự giờ, nhận xét đóng góp ý kiến xây dựng, rút kinh nghiệm trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Giáo viên dạy giỏi đạt tỷ lệ cao, năm học 2019 - 2020 trường có 02 giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận (01 giáo viên đạt giải 3) [H1-1.2-05]; Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, khiếu nại vi phạm quy chế dân chủ [H1-1.2-07]. Hàng năm, thành viên trong các hội đồng có sự thay đổi nên công tác phối hợp kiểm tra, rà soát của các thành viên trong hội đồng còn gặp nhiều khó khăn.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Thành viên trong các hội đồng hàng năm có sự thay đổi nên công tác phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ của các thành viên trong hội đồng còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục tham khảo tài liệu như: Nghị định, Thông tư, Văn bản để thực hiện đúng vai trò chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định giúp nhà trường thực hiện tốt kế hoạch năm học đề ra. Hội đồng trường và các hội

đồng khác thường xuyên tham dự các buổi họp định kỳ, đột xuất để kịp thời nắm bắt, nhận định, góp ý cho các hoạt động của nhà trường nhằm chấn chỉnh những sai phạm góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Trong năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, các thành viên Hội đồng trường tiếp tục đánh giá năng lực của đội ngũ, tham mưu bổ sung nhân sự vào Hội đồng trường và các hội đồng khác để kịp thời phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn trường Mầm non 11 được thành lập theo quyết định số 94/QĐ-LĐLĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 do Liên đoàn Lao động quận Tân Bình lãnh đạo, tổ chức; Công đoàn trường thực hiện đúng Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường có 12 đoàn viên do Ban chấp hành Đoàn Phường 11 quận Tân Bình thành lập theo Quyết định số 23/NQ-ĐTN ngày 18 tháng 10 năm 2019 [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ được thành lập theo Quyết định số 60/QĐ-CTĐ ngày 11 tháng 8 năm 2015, tham gia hoạt động theo sự chỉ đạo của Chi hội Chữ thập đỏ quận Tân Bình [H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học thành lập theo theo chỉ đạo của Hội khuyến học Phường 11 quận Tân Bình [H1-1.3-04].

b) Công đoàn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Điều lệ Công đoàn. Mỗi năm học, công đoàn đều xây dựng Quy chế dân chủ và tổ chức thực hiện theo quy chế. Mọi hoạt động của Công đoàn đều thể hiện sự dân chủ, công khai minh bạch qua xây dựng Quy chế chi tiêu tài chính công đoàn. Hàng năm, công đoàn trường phối hợp với chính quyền tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức bình bầu thi đua đúng quy định, thực hiện các cuộc vận động, tổ chức và duy trì phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước [H1-1.3-01].

Chi đoàn trường luôn chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo, quản lý của Đoàn Phường 11 và cấp ủy chi bộ. Đoàn viên tham gia tích cực các hoạt động phong trào do Chi đoàn và Đoàn phường tổ chức. Hàng năm Chi đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, thực hiện công trình thanh niên ngắn hạn và dài hạn, tổ chức các buổi về nguồn nhằm giúp đoàn viên ôn lại truyền thống dân tộc [H1-1.3-02]. Tuy nhiên, đa số đoàn viên kiêm nhiệm nhiều công tác nên thời gian tham gia các hoạt động còn hạn chế.

Chi hội Chữ thập đỏ của trường vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp học bổng cho trẻ em nghèo, đóng góp quỹ xã hội nhân đạo [H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học vận động cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nuôi heo đất ủng hộ quỹ khuyến học của Phường 11 [H1-1.3-04].

c) Ban chấp hành Công đoàn trường họp định kỳ 01 quý/01 lần, các tổ công đoàn họp 01 tháng/01 lần để rà soát, đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết đã đề ra. Công đoàn nhận xét đánh giá tình hình những mặt đạt được và chưa đạt được về thực hiện các

chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên. Đánh giá các chương trình hành động, chế độ khen thưởng, việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ trong từng học kỳ [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường tổ chức đánh giá các hoạt động thông qua các báo cáo tổng kết cuối mỗi học kỳ [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ, chi hội khuyến học hàng năm đánh giá các công tác thực hiện được và chưa được để từ đó đưa ra phương hướng thực hiện trong thời gian tới [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non 11 có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, trực thuộc Đảng ủy Phường 11 quận Tân Bình theo quyết định chuẩn y số 02-QĐ/ĐU ngày 20 tháng 8 năm 2010; Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng nhà trường, Chi bộ gồm có 17 đảng viên (03 cán bộ quản lý, 14 giáo viên). Chi bộ sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định để đánh giá việc thực hiện nghị quyết chi bộ đề ra và chỉ đạo các hoạt động đoàn thể; Sinh hoạt chuyên đề mỗi quý/01 lần. Tính đến tháng 12 năm 2020 Chi bộ đạt “Chi bộ tiêu biểu” [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của đơn vị. Hàng năm, Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều có giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng. Trong 05 năm liên tục tính đến thời điểm đánh giá, Công đoàn trường đạt “Vững mạnh xuất sắc” [H1-1.3-01] và Chi đoàn trường giữ vững danh hiệu “Vững mạnh” [H1-1.3-02].

Mức 3:

a) Nhà trường luôn thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Tham gia các phong trào thi đua của ngành và địa phương được nhiều bằng khen, giấy khen các cấp. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường có 03 năm đạt trong sạch vững mạnh (năm 2015, 2016, 2017), 02 năm đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2018, 2019) [H1-1.3-05].

b) Chi bộ, Chi đoàn trường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Phường 11 thăm và tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương; Tổ chức ngày hội “Giờ trái đất” cho trẻ em tại địa phương; Phát động ngày hội “Trồng cây nhớ ơn Bác”; Hỗ trợ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn tại Phường 11 [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05]; Hàng năm, Chi hội khuyến học của trường tổ chức trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Tham gia các phong trào thi đua của ngành và địa phương được nhiều bằng khen, giấy khen các cấp.

3. Điểm yếu

Một vài đoàn viên còn kiêm nhiệm công tác tại đơn vị nên chưa chủ động sắp xếp thời gian tham gia các hoạt động

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Ngoài ra, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục phối hợp cùng Chi đoàn xây dựng kế hoạch, thời gian phù hợp để các đoàn viên tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11 là trường hạng I, nhà trường có đủ 01 hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình; 02 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, 01 phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục được bổ nhiệm theo quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình, 01 phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng được bổ nhiệm theo quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình [H1-1.4-01].

b) Trường có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm: 01 tổ cấp dưỡng (07 nhân viên nấu ăn) và 04 tổ giáo viên (03 tổ giáo viên mẫu giáo và 01 tổ giáo viên nhà trẻ), tổ văn phòng gồm 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ kiêm y tế, 02 bảo vệ và 02 nhân viên phục vụ [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hàng tháng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-02]. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt chuyên môn định kỳ 01 tháng/02 lần. Các tổ thường xuyên học tập, chia sẻ chuyên môn thông qua các buổi sinh hoạt tổ và thực hiện đánh giá xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đúng quy định [H1-1.4-03]. Tổ văn phòng thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, quản lý tài sản theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện các chuyên đề cấp trường và cấp quận. Năm học 2020 - 2021, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 05 chuyên đề cấp trường gồm: Chuyên đề “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ mầm non”; “Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ”; “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ mầm non” và “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức các hoạt động vận động cho trẻ” [H1-1.4-02].

b) Hàng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tổ chức họp tổ định kỳ 02 lần/01 tháng tự đánh giá, nhận xét rút kinh nghiệm những công tác đã và chưa thực hiện tốt, kịp thời bổ sung, sửa chữa đồng thời nhắc nhở động viên các thành viên trong tổ thực hiện tốt các nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02]; Vào các đợt sơ kết, tổng kết thi đua, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện việc đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng, giáo viên, nhân viên. Trong những năm học qua tại trường không có ai bị kỷ luật [H1-1.2-06].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định như xây dựng kế hoạch hoạt động, bồi dưỡng chuyên môn, rút kinh nghiệm công tác, kiểm tra hoạt động, có theo dõi, xét đề nghị danh hiệu thi đua, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong năm học 2019 - 2020 có 25/30 - tỷ lệ 83,33% giáo viên xếp loại tốt, xếp loại khá 05/30 - tỷ lệ 16,6%, không có giáo viên xếp loại đạt và không đạt, đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-03]. Tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các hồ sơ quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường. Tuy nhiên, một số thành viên của các tổ khi họp chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến [H1-1.2-06]; [H1-1.4-02].

b) Trong năm học 2019 - 2020, nhà trường đã thực hiện chuyên đề “Làm quen chữ viết cho trẻ 5 - 6 tuổi” giúp trẻ không bị nhàm chán trong việc nhận biết 29 chữ cái chuẩn bị vào lớp Một; Chuyên đề “Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội” tạo cơ hội cho trẻ thể hiện kinh nghiệm sống của bản thân, biết chia sẻ tạo mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh; Chuyên đề “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ” với các hình thức đa dạng phong phú giúp trẻ hứng thú hơn trong bữa ăn ở trường đồng thời trẻ có thêm nhiều kỹ năng tự phục vụ trong ăn uống [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng được bổ nhiệm của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng đầy đủ kế hoạch hoạt động, sinh hoạt định kỳ đúng quy định 02 lần/01 tháng, thực hiện tốt bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp

vụ theo kế hoạch của nhà trường, quản lý tốt tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp sinh hoạt tổ một số thành viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến, thắc mắc, đề xuất ý kiến để được giải đáp kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng duy trì cơ cấu các tổ chuyên môn theo quy định, phân công 02 phó hiệu trưởng tham dự các cuộc họp tổ. Khuyến khích các tổ mạnh dạn đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ những vướng mắc để cùng học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021, trường có 13 nhóm lớp được phân chia theo đúng độ tuổi: 01 nhóm nhà trẻ 06 - 18 tháng, 01 nhóm nhà trẻ 19 - 24 tháng, 01 nhóm nhà trẻ

25 - 36 tháng, 03 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi, 04 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi và thực hiện lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01].

b) 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày [H1-1.5-01].

c) Nhà trường đã quán triệt về công tác giáo dục hòa nhập trong triển khai kế hoạch nhiệm vụ ngay từ đầu năm học đến đội ngũ giáo viên nhằm chú ý quan sát và phát hiện sớm những đặc điểm về khuyết tật của trẻ trong quá trình học tập. Vận động cha mẹ trẻ thực hiện kiểm tra sức khỏe và bệnh lý của trẻ để xác định dạng tật. Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Tại thời điểm tự đánh giá tháng 12 năm 2020 trường có 13 nhóm lớp, 368 trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đúng quy định và được phân chia theo độ tuổi của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]:

- Nhóm trẻ 06 - 18 tháng: 13 trẻ/1 lớp.
- Nhóm trẻ 19 - 24 tháng: 19 trẻ/1 lớp.
- Nhóm trẻ 25 - 36 tháng: 29 trẻ/1 lớp.
- Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: cao nhất 28 trẻ/lớp - thấp nhất 27 trẻ/lớp.
- Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: cao nhất 32 trẻ/lớp - thấp nhất 31 trẻ/lớp.
- Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: cao nhất 34 trẻ/lớp - thấp nhất 31 trẻ/lớp.

Mức 3:

Năm học 2020 - 2021 nhà trường có tất cả 13 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định. Tuy nhiên, sĩ số trẻ ở nhóm 06 - 18 tháng chưa ổn định, vì trẻ ở nhóm này còn nhỏ chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 13 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi; Trường tổ chức nhận trẻ từ 06 tháng tuổi đến 5 - 6 tuổi đáp ứng nhu cầu gửi con của cha mẹ học sinh tại địa phương, 100% trẻ được tổ chức học bán trú.

3. Điểm yếu

Sĩ số trẻ ở nhóm 06 - 18 tháng chưa ổn định, vì trẻ ở nhóm này còn nhỏ chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phân chia số trẻ cho phù hợp lứa tuổi, hiệu trưởng chỉ đạo 02 phó hiệu trưởng quan tâm, xây dựng nội dung giáo dục và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc phù hợp nhằm khuyến khích cha mẹ học sinh cho trẻ đi học đầy đủ đặc biệt là nhóm trẻ từ 06 - 18 tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường gồm: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-01]; Hồ sơ quản lý tài sản [H1-1.4-04]; Hồ sơ kiểm tra nội bộ [H1-1.6-01]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-02]; Sổ công văn đi, công văn đến [H1-1.6-04]; Hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe trẻ [H5-5.3-01]. Tất cả các hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu, được sắp xếp khoa học và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định của Luật lưu trữ số 01/2011/QH13.

b) Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định hiện hành; Thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-06]; Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

c) Trường quản lý thực hiện thu chi sử dụng tài chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quản lý sử dụng đất đai và cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả và tuân theo các quy định của pháp luật, mọi thành viên trong trường có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản trong trường. Hàng năm, trường thực hiện tốt kiểm kê tài sản và kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách, thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Công tác tài chính chưa được công khai kịp thời trong các buổi họp Hội đồng sư phạm. Thù quỹ cấp phát thu chi đúng chế độ, không để xảy ra mất mát, thâm hụt quỹ. Sử dụng ngân sách Nhà nước có hiệu quả, nâng cao được chất lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng phần mềm kế toán Imas 11, phần mềm quản lý tài sản nhà nước, trực tuyến về bảo hiểm xã hội và báo cáo thuế trong quản lý tài chính và tài sản của nhà trường, phần mềm ePmis trong quản lý hành chính, hồ sơ trực tuyến quản lý học sinh giúp giải quyết công việc nhanh, gọn thuận tiện [H1-1.6-08].

b) Trong 05 năm qua (tính đến tháng 12 năm 2020) nhà trường không vi phạm về công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm kê hàng năm của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường hợp đồng với các công ty dạy năng khiếu, Anh văn, kỹ năng sống để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường để chăm lo cho tập thể [H1-1.6-05]. Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ và đảm bảo lưu trữ hồ sơ theo quy định; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

2. Điểm yếu

Công tác tài chính chưa được công khai kịp thời trong các buổi họp Hội đồng sư phạm.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo cho kế toán và các bộ phận có liên quan tiếp tục thực hiện tốt và lưu trữ các loại hồ sơ về quản lý tài chính theo quy định, kịp thời công khai công tác tài chính đúng thời gian quy định.

4. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thông qua các chuyên đề tại trường, do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, qua học tập bồi dưỡng thường xuyên như: Phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non, giáo dục kỹ năng sống, đổi mới hoạt động làm quen chữ viết, phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ, đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ, xây dựng và sử dụng môi trường lấy trẻ làm trung tâm [H1-1.6-03]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường phù hợp chức danh, chức trách, nhiệm vụ. Phân công giáo viên đủ ở các lớp theo đúng Điều lệ trường mầm non; nhân viên được bố trí đúng nhiệm vụ chuyên môn nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. [H1-1.7-03]. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa phát huy hết những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo, chưa chủ động trong nhiệm vụ quản lý nhóm, lớp.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành như: Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và khám sức khỏe định kỳ 01 lần/01 năm. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham quan nghỉ mát 01 lần/01 năm. Chăm lo đầy đủ các khoản lễ, tết, trang phục bảo hộ lao động theo Khoản 01, 02, 03, 04, 05 điều 37 văn bản 04/VBHN-BGDĐT [H1-1.2-06]; [H1-1.3-01]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, dự chuyên đề của các trường bạn trong và ngoài quận ngoài ra tham gia tích cực các phong trào của ngành, địa phương [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên trên phần mềm. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm, chưa biết phối hợp giữa lý thuyết và thực tiễn công việc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhóm, lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm học sau, hiệu trưởng vẫn duy trì đảm bảo các quyền lợi của giáo viên theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, hiệu trưởng chỉ đạo 02 phó hiệu trưởng tích cực hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên mới nhằm nâng cao tay nghề và kỹ năng quản lý nhóm, lớp đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và các quy định theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.7-02].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục do giáo viên các lớp xây dựng phù hợp với các độ tuổi theo quy định. Tuy nhiên, một số giáo viên còn chậm trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy [H1-1.8-01].

c) Định kỳ hàng tháng, nhà trường đều có tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá việc xây dựng kế hoạch giáo dục. Đồng thời, cán bộ quản lý góp ý, hướng dẫn giáo viên điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục phù hợp với từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-01]; Có báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.2-06]; Biên bản kiểm tra của phó hiệu trưởng để đánh giá về thực hiện kế hoạch giáo dục và các nội dung liên quan [H1-1.6-01] và biên bản sinh hoạt chuyên môn [H1-1.6-03].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục như: Bồi dưỡng nâng cao nhận thức và phương pháp về dạy học giúp giáo viên chủ động, tự tin trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; Xây dựng môi trường giáo dục giúp trẻ học tập và tiếp thu kiến thức. Tổ chức chuyên đề: Giáo dục kỹ năng sống, đổi mới phát triển ngôn ngữ, đổi mới phát triển nhận thức nhằm tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ, kiến tập trao đổi kinh nghiệm. Chỉ đạo giáo viên xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm khuyến khích trẻ chủ động, sáng tạo, phát triển mọi khả năng của trẻ, tổ chức hướng dẫn trẻ học tập bằng cách tự phát hiện khả năng và giải quyết tình huống [H1-1.4-05]; [H1-1.6-03]

Xây dựng kế hoạch công tác bán trú, triển khai đến đội ngũ giáo viên và nhân viên cấp dưỡng thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc như đổi mới hình thức tổ chức giờ ăn, trang bị dụng cụ ăn uống, đồ dùng phục vụ cho giờ ăn của trẻ. Dự giờ nấu ăn của cấp dưỡng, dự hoạt động tổ chức giờ ăn của giáo viên để góp ý điều chỉnh kịp thời việc xây dựng thực đơn, cân đối dinh dưỡng phù hợp với tiền chợ nhưng vẫn đảm bảo đa dạng, phong phú của món ăn giúp trẻ ăn ngon miệng [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.7-02].

Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình đánh giá tập thể lao động xuất sắc, được đề nghị nhận cờ thi đua của Thành phố năm 2019 - 2020 [H1-1.2-06]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục của trường phù hợp với quy định hiện hành, thực tế địa phương và điều kiện của đơn vị; kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá hàng năm; các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên còn chậm trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên, khen thưởng kịp thời để các tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động. Đồng thời, phân công phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục kiểm tra, đề ra các biện pháp giúp đỡ các tổ chuyên môn. Tăng cường đầu tư, điều chỉnh trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhằm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về hỗ trợ, tạo điều kiện giáo viên tham gia các khóa học bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông qua hội nghị công chức viên chức, ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy liên quan đến các hoạt động của nhà trường, xây dựng điều chỉnh các thang điểm thi đua, hình thức khen thưởng, kỷ luật. [H1-1.7-04].

b) Nhà trường có sổ tiếp công dân, lịch tiếp công dân và thùng thư góp ý. Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh được tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật [H1-1.9-01]. Ban Thanh tra nhân dân kiêm nhiệm nhiều công tác nên báo cáo chưa đúng thời gian quy định.

c) Hàng năm, nhà trường có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cho cấp lãnh đạo. [H1-1.2-07].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo hiệu quả. Trường có các bảng công khai thông tin, chế độ chính sách của nhà trường tại bản tin trường và phòng tài vụ. Nội dung thông tin, văn bản, hoạt động được phổ biến công khai đảm bảo chính xác, minh bạch để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh theo dõi [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch, mỗi thành viên trong nhà trường tích cực tham gia đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng và mang lại hiệu quả cao đối với nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Ban Thanh tra nhân dân kiêm nhiệm nhiều công tác nên báo cáo chưa đúng thời gian quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy việc thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Công đoàn hỗ trợ, phối hợp Ban thanh tra nhân dân thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng Quy chế phối hợp Bảo đảm an ninh trật tự trường học giai đoạn 2020 - 2025 với Công an Phường 11 [H1-1.10-01]; Trường có xây dựng các phương án cụ thể như: Vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Phương án phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; Phương án phòng cháy chữa cháy và có thực hiện diễn tập hàng năm [H1-1.10-04]; Phương án phòng chống dịch bệnh trong nhà trường [H1-1.10-05]; Nhà trường đã thực hiện bảng cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với Ban Quản lý an toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.10-02].

b) Nhà trường luôn tiếp nhận thông tin một cách kịp thời thông qua hộp thư góp ý và đường dây nóng 028.38644827 và xử lý ngay để đảm bảo an toàn cho trẻ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.9-01].

c) Nhà trường không để xảy ra tình trạng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công tác kiểm tra luôn được quan tâm thực hiện thường xuyên [H1-1.2-06]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án vào đầu năm học: Đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; Tuy nhiên, một số giáo viên chưa có biện pháp tác động phù hợp nên một số trẻ chưa có ý thức tự phòng chống các tai nạn thương tích.

b) Nhà trường thường xuyên đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.2-06]; [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Việc duy trì thường xuyên các hoạt động tập huấn về phòng cháy chữa cháy, tập huấn sơ cấp cứu giúp nhân viên, giáo viên trong trường có kỹ năng, ý thức cao trong việc

thực thi nhiệm vụ. Trong những năm qua, nhà trường không xảy ra ngộ độc thực phẩm, tình hình an ninh trật tự luôn ổn định, không có sự cố cháy nổ xảy ra.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa có biện pháp tác động phù hợp nên một số trẻ chưa có ý thức tự phòng chống các tai nạn thương tích.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục hướng dẫn giáo viên tích hợp các nội dung phòng chống tai nạn thương tích và an toàn trường học vào tổ chức các hoạt động cho trẻ; tổ chức hội thảo chuyên đề; thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị theo kế hoạch, thực hiện tốt khâu chăm sóc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tham mưu và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, ký kết đầy đủ hồ sơ an ninh trật tự với chính quyền địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Trường Mầm non 11 là trường hạng I. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trong đó thể hiện phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường, phù hợp mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động thường xuyên, hiệu quả, có tác dụng thúc đẩy, tư vấn giúp hoạt động của trường ngày càng tốt hơn; có đủ hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng và các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường thực hiện tốt bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch, quản lý tốt tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường.

Nhà trường có tất cả 13 nhóm, lớp gồm 03 nhóm nhà trẻ và 10 lớp mẫu giáo, tổ chức nhận trẻ từ 06 tháng tuổi đến 5 - 6 tuổi đáp ứng nhu cầu gửi con của cha mẹ học

sinh tại địa phương theo quy định, trẻ được phân chia theo độ tuổi và 100% trẻ được tổ chức học bán trú theo quy định.

Nhà trường luôn thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của ngành và địa phương được nhiều bằng khen, giấy khen các cấp.

Điểm yếu cơ bản

Việc rà soát, bổ sung, kiểm tra đánh giá điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thực hiện thường xuyên.

Thành viên trong các hội đồng hàng năm có sự thay đổi nên công tác phối hợp kiểm tra, rà soát theo định kỳ của các thành viên trong hội đồng còn gặp nhiều khó khăn.

Đa số đoàn viên kiêm nhiệm nhiều công tác tại đơn vị nên thời gian tham gia các hoạt động còn hạn chế.

Sĩ số trẻ ở nhóm 06 - 18 tháng chưa ổn định, vì trẻ ở nhóm này còn nhỏ chưa quen với chế độ sinh hoạt ở trường.

Công tác tài chính chưa được công khai kịp thời trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, trên bảng tin hàng tháng.

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm, chưa biết phối hợp giữa lý thuyết và thực tiễn công việc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhóm, lớp.

Giáo viên chưa có biện pháp tác động phù hợp nên một số học sinh chưa có ý thức tự phòng chống các tai nạn thương tích.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Cán bộ quản lý nhà trường có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và luôn năng động trong công việc, có sự đoàn kết, thống nhất cao, phân công, phân nhiệm rõ ràng trong đội ngũ lãnh đạo nhà trường để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin

vào thực hiện nhiệm vụ, có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhân viên của trường có trình độ đào tạo theo quy định, có tinh thần trách nhiệm phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách và mọi quyền lợi cho giáo viên, nhân viên, động viên tinh thần phấn đấu của đội ngũ, an tâm thực hiện tốt công tác.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác trong ngành là 25 năm, trong đó có 13 năm làm công tác quản lý, hiện đang theo học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 28 năm với 06 năm làm công tác quản lý. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 18 năm với 09 năm làm công tác quản lý, có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm mầm non và Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.4-01].

b) Hàng năm, cán bộ quản lý đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại tốt

Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý theo quy định. Trong năm học 2018 - 2019, hiệu trưởng được tham quan học tập tại Nhật Bản do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Năm học 2018 - 2019, phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục tham gia lớp tập huấn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng được tham gia các lớp tập huấn về phần mềm quản lý chuyên môn, nhưng chưa tham gia học lớp thạc sĩ quản lý giáo dục để nâng cao trình độ [H1-1.4-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã có bằng Trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.4-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có năng lực chuyên môn được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, lãnh đạo, chính quyền và phụ huynh tín nhiệm. Hàng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại tốt theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

3. Điểm yếu

Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng chưa tham gia học thạc sĩ quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình tổ chức để nắm vững, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn giúp cho lãnh đạo, cha mẹ học sinh, giáo viên, nhân viên và nhân dân ngày càng tín nhiệm, tiếp tục giữ vững kết quả xếp loại tốt theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng tham gia học lớp Thạc sĩ quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020 - 2021 (Tính đến tháng 12 năm 2020), nhà trường có 29 giáo viên, đảm bảo đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, đáp ứng yêu cầu công tác chăm sóc nuôi dạy trẻ. [H1-1.7-03]; [H1-1.4-01].

b) Năm học 2020 - 2021, trường có 29/29 giáo viên – tỷ lệ 100% có trình độ đạt chuẩn và 28/29 giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 96,55% [H2-2.2-01].

c) Năm học 2019 - 2020, nhà trường có 30/30 giáo viên – tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Trong năm học 2015 - 2016, trường có 30/30 giáo viên - tỷ lệ 100% đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn, trong đó đại học mầm non 27/30 - tỷ lệ: 90% và cao đẳng sư phạm mầm non 03/30 - tỷ lệ 10%.

Đến năm học 2019 - 2020, trường có 29/30 giáo viên - tỷ lệ 96,6% đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn, trong đó đại học sư phạm mầm non 29/30 - tỷ lệ 96,6%, trung cấp sư phạm mầm non 01/30 - tỷ lệ 3,33% (đang theo học đại học sư phạm mầm non tốt nghiệp trong năm 2021).

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình

độ đào tạo được duy trì ổn định [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01]

b) Hằng năm, nhà trường tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-03]. Kết quả như sau:

Năm học 2015 - 2016, số giáo viên được xếp loại tốt là 23/30 - tỷ lệ 76,66%, xếp loại khá là 07/30 - tỷ lệ 23,33%.

Năm học 2016 - 2017, số giáo viên được xếp loại tốt là 28/29 - tỷ lệ 96,55%, xếp loại khá là 01/29 - tỷ lệ 3,44%.

Năm học 2017 - 2018, số giáo viên được xếp loại tốt là 29/30 - tỷ lệ 96,66%, xếp loại khá là 01/30 - tỷ lệ 3,33%.

Năm học 2018 - 2019, số giáo viên được xếp loại tốt là 25/29 - tỷ lệ 86,20%, xếp loại khá là 04/29 - tỷ lệ 13,79%.

Năm học 2019 - 2020 có 25/30 - tỷ lệ 83,33% giáo viên xếp loại tốt, xếp loại khá 05/30 - tỷ lệ 16,6%, không có giáo viên xếp loại đạt và không đạt.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-02]; [H1-1.2-06].

Mức 3:

a) Tính đến thời điểm đánh giá, trường có 29/30 giáo viên - tỷ lệ 96,66% trình độ chuyên môn trên chuẩn. Tuy nhiên vẫn còn 01/30 - tỷ lệ 3,33% giáo viên trình độ trung cấp [H2-2.2-01]; [H1-1.4-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên; năm học 2019 - 2020 có 25/30 - tỷ lệ 83,33% được đánh giá xếp loại tốt, không có giáo viên xếp loại đạt và không đạt. [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 29/30 - tỷ lệ 96,66% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 01/30 - tỷ lệ 3,4% giáo viên đạt trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để hỗ trợ giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện cho 01 giáo viên trung cấp hoàn thành lớp đại học mầm non tốt nghiệp trong năm 2021.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 thủ quỹ kiêm y tế [H1-1.7-03].

b) Nhân viên các bộ phận được hiệu trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, phù hợp khả năng, năng lực cá nhân và tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01].

c) Đội ngũ nhân viên thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non, chấp hành tốt sự phân công của hiệu trưởng, có sự phối hợp

nhập nhàn với các bộ phận trong toàn bộ hoạt động chung của nhà trường. Cuối năm học nhà trường thực hiện đánh giá, xếp loại từng cá nhân theo đúng quy định [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, nhà trường số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định: 01 nhân viên kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ kiêm y tế, 07 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phục vụ và 02 nhân viên bảo vệ [H1-1.7-03]; [H1-1.4-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, trường Mầm non 11 không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01]; [H1-1.2-06].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và đáp ứng được vị trí việc làm [H1-1.4-01]; [H2-2.2-01]

b) Hàng năm, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức xây dựng thực đơn, cách chế biến thực phẩm, được tập huấn về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giao lưu học tập tại các trường bạn trong và ngoài quận. Nhân viên kế toán được tập huấn phần mềm Ismart, phần mềm quản lý tài sản. Tuy nhiên, nhân viên nấu ăn còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin, còn 02 nhân viên nấu ăn chưa có bằng chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.3-02]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên được phân công đúng vị trí việc làm và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, nhân viên nấu ăn của nhà trường còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin, và 02 nhân viên nấu ăn chưa có bằng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì phát huy các mặt mạnh, hiệu trưởng tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng theo học lớp sơ cấp nấu ăn và bồi dưỡng công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo, có đủ năng lực và kiến thức cơ bản để triển khai và thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Đội ngũ nhân viên có trách nhiệm với công việc được giao. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo nghiêm túc thực hiện chế độ chính sách; Được tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ theo quy định.

Điểm yếu cơ bản

Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng chưa tham gia học thạc sĩ giáo dục để nâng cao trình độ.

Nhà trường còn 01/30 - tỷ lệ 3,33% giáo viên trình độ trung cấp mầm non.

Còn 02 nhân viên nấu ăn chưa có bằng nấu ăn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường được xây dựng kiên cố xung quanh có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp, có nhiều cây xanh tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Trường có diện tích 3,583m² gồm các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập, phòng hành chính, phòng chức năng, sân chơi, khu vực vệ sinh được xây dựng theo đúng quy định. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ đầy đủ, nhà trường chú trọng đầu tư các hệ thống mạng, thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất hàng năm.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11 với diện tích xây dựng là 3,583m² so với tổng số 368 trẻ, diện tích trung bình/01 trẻ là 9,73m² đạt yêu cầu theo Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố [H3-3.1-01].

b) Bảng tên trường Mầm non 11 gắn chữ bằng inox chắc chắn và thẩm mỹ. Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát do bao phủ nhiều loại cây xanh, các khu vực trong sân

trường được thiết kế đẹp mắt, tạo không gian sinh động, thoải mái, phù hợp cho trẻ hoạt động, trường ở khu trung tâm dân cư, đường đi vào trường thuận tiện có tường rào bao xung quanh được xây bằng gạch, phía trên có gắn chông bằng sắt kiên cố để bảo vệ tài sản nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp. Xung quanh sân trường có thiết kế các khu vực trồng hoa, cây xanh, vườn rau được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, là nơi dành riêng cho trẻ tham quan, chăm sóc, khám phá, học tập. Khu vực sân chơi ngoài trời đều được lát gạch, xi măng đảm bảo an toàn cho trẻ, có đồ chơi ngoài trời, khu trò chơi dân gian, khu vận động phát triển thể chất. Tuy nhiên, diện tích khu vực trồng cây của mỗi lớp còn nhỏ hẹp [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Trường Mầm non 11 có diện tích xây dựng công trình là 738,1m². Diện tích sân vườn là 1.141,4m² đảm bảo theo TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát do bao phủ nhiều loại cây xanh, các khu vực được thiết kế đẹp mắt, tạo không gian sinh động, thoải mái, phù hợp cho trẻ hoạt động. Trường có trồng cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời; Có vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội giúp trẻ khám phá và học tập. Tuy nhiên, diện tích khu vực trồng cây của mỗi lớp còn nhỏ hẹp [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Sân chơi của trường có diện tích 1.053,4m² được quy hoạch, thiết kế phù hợp. Khu vực trẻ chơi luôn sạch sẽ, có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định như: Cầu trượt, leo núi, xích đu, cầu thăng bằng [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04]. Trường có hồ bơi với diện tích 88m², có hệ thống lọc nước và tường chắn xung quanh đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời như bộ trò chơi liên hoàn phát triển khả năng vận động, bộ tập gym, xe đạp, bò chui qua cổng của nhà trẻ, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng kiên cố, đẹp, có đủ diện tích cho trẻ hoạt động. Có sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục, đảm bảo an toàn cho trẻ. Bên cạnh đó, trường có cây xanh che bóng mát, được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, đặc biệt có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, giúp trẻ khám phá được môi trường xung quanh. Diện tích đảm bảo theo Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3. Điểm yếu

Khu vực trồng cây của mỗi lớp còn nhỏ hẹp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì sử dụng hiệu quả sân chơi. Đồng thời, vận động cha mẹ học sinh cùng phối hợp xây dựng môi trường xanh ở mỗi nhóm lớp thêm đa dạng và phong phú tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn cho trẻ. Phân công nhân viên chăm sóc cây xanh, thường xuyên tưới nước, bón phân để cây luôn tươi tốt, phát triển nhanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động ở sân trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 13 phòng học tương ứng với 13 nhóm lớp theo từng độ tuổi, trong đó có 03 nhóm nhà trẻ từ 06 tháng tuổi đến 25 - 36 tháng tuổi, 03 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi và 04 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Phòng ngủ của trẻ dùng chung với phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích 2,24m²/trẻ, không gian yên tĩnh, thoáng mát, nền nhà lót sàn gỗ, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ như nệm, gối, mùng đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ ngủ đủ giấc. Ngoài ra, trường có đầy đủ các phòng chức năng: Phòng giáo dục thể chất, phòng âm nhạc, phòng thư viện đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng; có tủ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.1-04].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung lát sàn gỗ đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, có đủ ánh sáng, không gian yên tĩnh, thoáng mát, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ như nệm, gối, mùng đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ ngủ đủ giấc. Phòng giáo dục thể chất với diện tích 84m² có trang bị đầy đủ thang leo, vòng, banh, các loại đồ chơi đi thăng bằng, bộ thiết bị thể dục (08 chi tiết, 12 chi tiết, 17 chi tiết), nệm mouse để trẻ vận động được đảm bảo an toàn; phòng đa chức năng được trường sử dụng làm phòng giáo dục nghệ thuật với diện tích 112m² có gương áp tường và gióng múa, trang bị các đồ chơi âm

nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, đàn casio, máy cassette, trang phục, có trang bị thêm các dụng cụ phục vụ âm nhạc đàn organ, máy hát đĩa; Phòng thư viện có không gian mở, lịch sinh hoạt cụ thể, được trang bị kệ, nệm, thuận tiện cho trẻ hoạt động, đảm bảo an toàn, đúng quy cách được bố trí và sắp xếp gọn gàng [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Có hệ thống tủ đựng cặp dép, tủ nệm gối, tủ ly, kệ đồ chơi gỗ và nhựa phục vụ cho hoạt động của trẻ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Trường có phòng đa chức năng được sử dụng làm phòng giáo dục nghệ thuật. Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ về cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp để phục vụ cho công tác giảng dạy và hoạt động của giáo viên và trẻ, sân chơi trang bị nhiều đồ chơi giúp trẻ hứng thú khi tham gia hoạt động.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo, đồng thời phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện xã hội hóa giáo dục để bố trí thêm phòng vi tính và phòng học ngoại ngữ cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) *Đảm bảo diện tích theo quy định;*

b) *Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có các phòng hành chính quản trị theo quy định như: Văn phòng, phòng hành chính quản trị, phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ dành cho nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.1-02].

b) Văn phòng trường, có bàn ghế và tủ hồ sơ, các bảng biểu theo quy định; Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách; Phòng hành chính quản trị có máy vi tính và các phương tiện làm việc; Phòng y tế có tủ y tế với đầy đủ các trang thiết bị, các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên; Phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, sổ trực, sổ theo dõi khách; Phòng nghỉ dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

c) Khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí ở khu vực riêng, có mái che, đảm bảo an toàn, tiện lợi. Tuy nhiên, diện tích vẫn còn nhỏ so với số lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, văn phòng trường, phòng y tế, phòng bảo vệ đảm bảo diện tích theo quy định. Văn phòng trường có diện tích 73,5m². Phòng hiệu trưởng có diện tích 24m², có máy vi tính, bàn ghế tiếp khách, tủ để tài liệu. Phòng phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục có diện tích 14m², phòng phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng có diện tích 12m² và phòng hành chính quản trị diện tích 28m² có đầy đủ máy móc và các thiết bị văn phòng theo quy

định. Trường có phòng y tế với diện tích 16m² được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, có các biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ. Phòng bảo vệ có diện tích 9m², đặt gần lối ra vào của trường và có vị trí quan sát thuận lợi [H3-3.1-01].

b) Nhà để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên diện tích 43,85m² được xây dựng kiên cố nằm chung trong hệ thống công trình chính của trường, có mái che, đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Trường Mầm non 11 được xây dựng kiên cố, đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 912/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 2 năm 2011 và đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 4180/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khuôn viên của trường có biển tên trường, tường rào bao quanh. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có cây xanh. Sân chơi đảm bảo an toàn và có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định.

Đảm bảo đủ các phòng cho trẻ hoạt động, có hiên chơi đảm bảo an toàn cho trẻ. Môi trường trang trí đẹp, có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu theo quy định; nhà trường có văn phòng với diện tích rộng, có đủ trang thiết bị văn phòng theo quy định. Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, hành chính quản trị có đủ diện tích và các phương tiện làm việc theo quy định. Phòng y tế có đầy đủ các trang thiết bị thông dụng cần thiết, các loại thuốc sơ cứu, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, có đầy đủ các vật dụng cần thiết. Các phòng đảm bảo hoạt động của nhà trường đảm bảo đủ diện tích theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tuy nhiên diện tích nhà để xe nhỏ so với số lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng với diện tích phù hợp yêu cầu và đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc; Phòng y tế có đầy đủ các trang thiết bị thông dụng cần thiết, các loại thuốc sơ cứu, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và cán bộ, giáo

viên, nhân viên; Có phòng bảo vệ, nhà để xe cho cán bộ giáo viên và nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Diện tích nhà để xe nhỏ so với số lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 - 2021 và các năm tiếp theo nhà trường có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa để đảm bảo cơ sở vật chất khang trang phục vụ cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Hiệu trưởng có kế hoạch cải tạo, mở rộng khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn, đủ chỗ, thuận tiện cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố ở khu vực cuối khuôn viên trường, tách biệt với khu vực lớp. Khu vực nhà bếp được thiết kế khoa học thông thoáng, xung quanh tường bếp được ốp gạch men cao 02m, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều; Sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, ép nước quả. Có

phòng giặt được trang bị máy giặt, máy hấp khăn cho trẻ. Bếp ăn được chứng nhận đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường bố trí kho thực phẩm sạch sẽ, được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt; Các thực phẩm được sắp xếp gọn gàng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Có bảng theo dõi tồn kho theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H1-1.10-06].

c) Có tủ lạnh để lưu nghiệm thức ăn hằng ngày theo quy định, các hộp lưu mẫu được sắp xếp ngăn nắp, đúng nhiệt độ để bảo quản thức ăn lưu nghiệm an toàn [H1-10.1-02]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Bếp ăn với diện tích 129,5m² bình quân 0,34m²/trẻ, đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015). Nhà bếp được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xào thái, khu chế biến, khu chia thức ăn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường, bếp có hệ thống hút khói, thoát mùi; Bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn, đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định; Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định; Đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ. Mặc dù trường đã lắp đặt hệ thống hút khói nhưng trong nhà bếp vẫn còn nóng [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01].

Mức 3:

Bếp được xây dựng theo quy trình bếp một chiều, nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, sạch sẽ chống các loại côn trùng; Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng, hạn chế có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; Bàn, ghế, dụng cụ được làm bằng vật liệu dễ cọ rửa, có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; Có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn

thừa, các dụng cụ chứa đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh.

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non (Quy định tại khoản 1, 2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT) [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, theo quy trình bếp một chiều, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, có diện tích rộng, thoáng, đủ ánh sáng trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ bán trú, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp đảm bảo khô thoáng, không ẩm mốc và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Trường đã lắp đặt hệ thống máy hút khói nhưng trong nhà bếp vẫn còn nóng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng thường xuyên duy trì kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất để đảm bảo cho khu vực nhà bếp được thoáng mát, sạch sẽ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo duyệt kinh phí để có kế hoạch mua sắm trang thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ, máy xay thịt... nhằm giảm tải cường độ lao động của đội ngũ nhân viên nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ theo thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 2 năm 2010 ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non. Sử dụng thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cá nhân có hiệu quả trong việc chăm sóc giáo dục trẻ, tạo hứng thú cho trẻ tích cực hoạt động [H3-3.5-01].

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi có trong danh mục, nhà trường còn đầu tư một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định phục vụ cho yêu cầu giảng dạy của giáo viên và vui chơi của trẻ như: Các loại lắp ráp, các loại cờ học tập, nguyên vật liệu tạo hình, sách truyện góc thư viện đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ, hiệu quả phù hợp với từng độ tuổi; Tuy nhiên, đồ dùng đồ chơi mang tính hiện đại còn ít. Các đồ dùng, đồ chơi do một số giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến tính thẩm mỹ [H3-3.5-02].

c) Hàng năm, trước khi vào năm học mới nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm, lớp. Từ đó xây dựng kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi sao cho phù hợp với kinh phí của nhà trường, tránh lãng phí [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường trang bị hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng đều có máy tính kết nối internet, sử dụng các phần

mềm như: Phần mềm Imas, Emis, Pmis, phần mềm quản lý tài sản, Mind Manger 8.0 [H3-3.5-04]. Các lớp sử dụng máy tính cho trẻ học tập qua các bài tập, trò chơi Kidsmas. Phòng học bảng tương tác có máy chiếu và bảng từ để trẻ tham gia vào các hoạt động học và chơi trong ngày [H3-3.1-02]; [H3-3.5-04].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định, sử dụng hiệu quả trong công tác dạy và học theo Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-04].

c) Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm, lớp, từ đó xây dựng kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015. Ngoài các đồ dùng đồ chơi được trang bị, cô và trẻ còn tạo ra các sản phẩm đồ chơi phong phú đa dạng bằng các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho quá trình dạy và học. Đồ dùng tự tạo vừa tiết kiệm được kinh phí vừa khuyến khích trẻ hoạt động sáng tạo vừa góp phần bảo vệ môi trường, tái sử dụng lại các nguyên vật liệu thải bỏ như dùng các thùng giấy làm bàn góc thư viện, đọc sách, rạp chiếu phim, dùng bình nước xả làm cây đàn, bình trồng cây cho trẻ, lon bia làm xúc sắc, nút bitis làm mũ đội con thú, dùng mặt sau của những tờ lịch cũ làm bàn cờ toán học, sử dụng vải nỉ nhỏ, chai nước suối, lõi chỉ tạo thành những con rỗi ở góc văn học. Dùng chai nước suối, hộp sữa làm đồ chơi góc xây dựng, sử dụng nắp bình nước suối, nắp chai nước ngọt nhiều màu sắc chơi góc toán. Các đồ dùng tự tạo đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp vệ sinh cho trẻ hoạt động. Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi được bổ sung hàng năm, tuy nhiên thiết bị đồ chơi tự làm không bền do làm từ đồ tái chế và chưa được sử dụng đa chức năng lâu ngày lạc hậu, lỗi thời bỏ đi [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02].

Mức 3:

Trong năm học 2020 - 2021 nhà trường tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” để khuyến khích giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi, bổ sung và nhân rộng cách làm ở các lớp nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và ngoài danh mục được giáo viên khai thác, sử dụng

hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ dùng đồ chơi ở các nhóm lớp mang tính hiện đại còn ít. Các đồ dùng, đồ chơi do một số giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến tính thẩm mỹ, độ bền chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận thường xuyên rà soát để có kế hoạch mua sắm, sửa chữa các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của trẻ. Phối hợp cùng với cha mẹ học sinh đẩy mạnh công tác xã hội hóa để trang bị đồ dùng, đồ chơi theo hướng hiện đại nhằm phát huy tối đa khả năng và sự sáng tạo của trẻ. Hàng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho hoạt động của trẻ có định hướng về tính thẩm mỹ và sử dụng đa công năng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh trẻ khép kín; có 02 nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (mỗi tầng có một nhà vệ sinh). Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo sạch sẽ, an toàn, không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H3-3.1-01].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh được xây có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-01]. Sử dụng nguồn nước máy trong sinh hoạt dùng để chế biến thức ăn, vệ sinh cá nhân cho trẻ và thực hiện xét nghiệm vi sinh, hóa lý mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn; sử dụng nước uống tinh khiết Lavie cho trẻ, giáo viên [H1-1.10-02].

c) Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với công ty dịch vụ đô thị công ích, hằng ngày được vận chuyển đến nơi xử lý tập trung theo các quy định hiện hành, không có rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường [H1-1.10-02]. Khu vực hành lang và các lớp có thùng rác được phân loại rác thải, khu vực thu gom rác trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung của mỗi lớp, tổng diện tích nhà vệ sinh trên tổng số trẻ, bình quân $0,4\text{m}^2/\text{trẻ}$ được phân chia nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và quan sát, mỗi nhà vệ sinh đều có vòi nước rửa tay, ghế ngồi bô, vòi tắm đối với trẻ nhóm nhà trẻ. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ [H3-3.1-01].

b) Trường sử dụng hệ thống cung cấp nước sạch Công ty cấp nước sạch Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo đủ nước uống và nước dùng trong sinh hoạt. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác thải. Nhà trường có hợp đồng với Trạm y tế Phường 11 thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế [H1-1.10-02]. Bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu

tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng, rác được thu gom hằng ngày, không có rác tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, ống thải rác nhà bếp nằm trong khu vực vườn cây của bé do thiết kế công trình cũ [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh, hệ thống nước sạch đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường. Các lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Ống thải rác nhà bếp nằm trong khu vực vườn cây của bé do thiết kế công trình cũ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng tham mưu với các cấp thẩm quyền để cải tạo và thiết kế che ống chuyển rác của nhà bếp hợp vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp, đồ dùng dụng cụ phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Trường trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi trong lớp và ngoài trời theo danh mục, ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản

Trường đã lắp đặt hệ thống hút khói nhưng trong nhà bếp vẫn còn nóng.

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa chú ý đến tính thẩm mỹ; đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, thiếu độ bền;

Ổng thải rác nhà bếp nằm trong khu vực vườn cây của bé do thiết kế công trình cũ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Đề hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, ngoài sự phấn đấu nỗ lực của các lực lượng trong nhà trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ học sinh và các cơ quan đoàn thể, các lực lượng xã hội. Thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường được thành lập vào mỗi năm học và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 09 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban, 01 thư ký và 05 ủy viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

b) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh và có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn quan tâm và phối hợp tốt với nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội cho các bé [H4-4.2-03]; Giáo viên các nhóm, lớp luôn phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc giáo dục như: Tuyên truyền qua bảng tin tại nhóm lớp, thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình ăn, ngủ và các hoạt động khác của trẻ qua giờ đón trả trẻ hoặc điện thoại trực tiếp khi cần thiết về tình hình sức khỏe của trẻ. Nhà trường luôn báo cáo kịp thời đến cha mẹ học sinh về kết quả nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-06]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, trách nhiệm luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục

[H4-4.1-01]. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa có nhiều thời gian tham gia vào hoạt động phong trào cùng nhà trường.

Nhà trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp, mời bác sĩ đến báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Giáo viên các lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe, tình hình ăn ngủ của trẻ trong ngày qua giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc để có sự thống nhất trong nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; Hỗ trợ các phần quà cho các bé trong các ngày lễ hội tết trung thu, Noel, tết nguyên đán, hỗ trợ về cơ sở vật chất: Trang bị sàn gỗ, tủ đựng ba lô cho các khối tuổi, đồ chơi ngoài trời [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các công tác tổ chức tuyên truyền, hội thảo, các buổi chuyên đề nhằm tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cũng như tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, nuôi dạy con theo khoa học.

Giáo viên các nhóm lớp thường xuyên trao đổi thông tin đến phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày và trong các hoạt động tại lớp, tại trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động cùng nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì phát huy những mặt đã làm được đồng thời đầu tư đẩy mạnh tuyên truyền qua hội thi, qua các hoạt động lễ hội tổ chức cho trẻ, đồng thời phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường tổ chức cho cha mẹ học sinh ở các nhóm lớp cùng tham gia vào các hoạt động

chăm sóc, giáo dục trẻ tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm tham gia nhiều hơn của phụ huynh.

5. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường chủ động tham mưu, phối hợp với Ủy ban Nhân dân Phường 11 trong việc huy động trẻ 05 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi [H4-4.2-01]; Đề xuất Ủy ban Nhân dân Phường 11 về các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường, ký kết quy chế phối hợp với công an Phường 11 về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học [H1-1.10-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp [H4-4.1-02]; [H1-1.2-06].

c) Hiệu trưởng nhà trường thường xuyên liên hệ chặt chẽ với Công an phường, phường đội không để tình trạng mua bán gây ùn tắc giao thông trước cổng trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học ở công trường [H1-1.10-01]; Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ quận Tân Bình tập huấn sơ cấp cứu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về kiến thức, kỹ năng cơ bản để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình rà soát cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định để thực hiện [H4-4.2-02]; Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]; Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban Nhân dân Phường 11, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình xây dựng Đơn vị văn hoá, trường học an toàn, an ninh, trật tự phục vụ tốt công tác nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị, tạo điều kiện cho trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.10-01]; Do đặc thù công tác của giáo viên nên các cô chưa chủ động sắp xếp thời gian tham mưu với chính quyền địa phương để đẩy mạnh công tác nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện mô hình tiên tiến hiện đại đạt chất lượng cao.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội bé đến trường, tết Trung Thu, lễ hội giáng sinh, ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12, lễ hội Tết và mùa Xuân, giỗ Quốc tổ Hùng Vương, thứ hai hằng tuần tham dự chào cờ, dâng hương nhà truyền thống Phường 11 [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Chi bộ trường Mầm non 11 luôn chủ động phối hợp chặt chẽ thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các đoàn thể để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Do đặc thù công tác của giáo viên nên các cô chưa chủ động sắp xếp thời gian tham mưu với chính quyền địa phương để đẩy mạnh công tác nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện mô hình tiên tiến hiện đại đạt chất lượng cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường tích cực hoạt động có hiệu quả theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Luôn quan tâm, hỗ trợ nhà trường về trang thiết bị cơ sở vật chất, xây dựng nhà trường xanh - sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Nhà trường chủ động trong công tác phối hợp với trung tâm y tế, tổ chức chuyên đề, hội thảo cho cha mẹ học sinh, trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ cũng như tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, nuôi dạy con theo khoa học.

Giáo viên phụ trách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình ăn, ngủ và các hoạt động khác của trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Chi bộ nhà trường luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các đoàn thể trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Cần phải đầu tư đẩy mạnh tuyên truyền qua hội thi, qua các hoạt động lễ hội tổ chức cho trẻ, đồng thời phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường tổ chức cho cha mẹ học sinh ở các nhóm lớp cùng tham gia vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ với mô hình tiên tiến hiện đại cùng với nhà trường.

Cần phải tích cực chủ động phối hợp và tham mưu với chính quyền địa phương để đẩy mạnh công tác chăm sóc giáo dục và thực hiện mô hình tiên tiến hiện đại đạt chất lượng cao, bên cạnh đó tiếp tục tham gia mạnh mẽ các phong trào của địa phương, tạo thương hiệu trường Mầm non 11 có sức lan tỏa cả về phong trào lẫn chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo chỉ đạo của ngành, giáo viên biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hình thức giáo dục đa dạng khi tổ chức các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành cho trẻ một số kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ có hành vi, thói quen, tự tin, chủ động, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân, đoàn kết với bạn bè, mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn đáp ứng được mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì luôn được quan tâm chăm sóc.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành theo Thông tư số 28/2016/TT- BGDDT Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

b) Căn cứ kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình, tình hình thực tế tại đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non

đáp ứng mục tiêu mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ ban hành [H1-1.6-04]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

c) Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ cùng giáo viên các nhóm lớp định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.7-02].

Mức 2:

a) Trong suốt quá trình thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Trẻ có chiều cao, cân nặng bình thường theo độ tuổi, trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, có sự nhạy cảm, có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán, có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. Nhà trường thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ nên trẻ có sự phát triển thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

b) Cán bộ quản lý nhà trường cùng với giáo viên các nhóm, lớp thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ từng nhóm lớp [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trẻ được tham gia các bộ môn năng khiếu, các hoạt động ngoại khóa và giáo dục kỹ năng sống giúp trẻ xây dựng sự tự tin và năng lực bản thân; rèn luyện cho trẻ các kỹ năng xã hội góp phần phát triển toàn diện cho trẻ, là hành trang cho trẻ bước vào cấp tiểu học [H1-1.2-06]; [H1-1.8-01].

b) Hàng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kết quả thi giáo viên dạy giỏi và thi tay nghề giáo viên [H1-1.2-05]; Kết quả thi giáo viên dạy giỏi và thi tay nghề cụ thể qua từng năm như sau:

- Năm học 2015 - 2016, số giáo viên dạy giỏi được xếp loại tốt là 18/30 - tỷ lệ 60%, xếp loại khá là 08/30 - tỷ lệ 26,6%, số giáo viên thi tay nghề được xếp loại tốt là 03/30 - tỷ lệ 10%, xếp loại khá là 01/30 - tỷ lệ 3,3%.

- Năm học 2016 - 2017, số giáo viên dạy giỏi được xếp loại tốt là 23/29 - tỷ lệ 79,3%, xếp loại khá là 02/29 - tỷ lệ 6,89%, số giáo viên thi tay nghề được xếp loại tốt là 04/29 - tỷ lệ 13,8%, không có giáo viên xếp loại khá.

- Năm học 2017 - 2018, số giáo viên dạy giỏi được xếp loại tốt là 24/30 - tỷ lệ 80%, xếp loại khá là 5/30 - tỷ lệ 16,6%, số giáo viên thi tay nghề được xếp loại tốt là 01/30 - tỷ lệ 3,33%.

- Năm học 2018 - 2019, số giáo viên dạy giỏi được xếp loại tốt là 22/29 - tỷ lệ 75,8%, xếp loại khá là 03/29 - tỷ lệ 10,34%, số giáo viên thi tay nghề được xếp loại tốt là 02/29 - tỷ lệ 6,89%, xếp loại khá là 02/29 - tỷ lệ 6,89%.

- Năm học 2019 - 2020, số giáo viên dạy giỏi được xếp loại tốt là 22/30 - tỷ lệ 73,3%, xếp loại khá 05/30 - tỷ lệ 16,67%, số giáo viên thi tay nghề được xếp loại tốt là 03/30 - tỷ lệ 10%, không có giáo viên xếp loại khá.

Nhà trường không có giáo viên thi giáo viên dạy giỏi và thi tay nghề xếp loại trung bình và yếu. Đa số giáo viên đạt kết quả tốt, tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”. Qua kết quả đánh giá trẻ cuối năm, nhà trường rút kinh nghiệm việc thực hiện Chương trình giáo dục năm học từ đó có hướng cải tiến chất lượng [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc giáo dục và giáo viên xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện địa phương. Hiệu trưởng tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giáo viên tham dự bồi dưỡng chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức; Tổ chức các buổi học tập bồi dưỡng, thảo luận theo nhóm, tổ khối.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

b) Chú trọng tổ chức xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; Đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ; Tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H1-1.8-01].

c) Hàng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng như: đi nhà sách, đi siêu thị; Thực hành kỹ năng xử lý tình huống khi gặp hỏa hoạn; Tham quan trường tiểu học, và các sự kiện lễ hội của trường như Tết Trung Thu, Noel, lễ hội Xuân [H1-1.2-06]; [H3-3.1-03]; [H4-4.2-03].

Mức 2:

Thông qua kế hoạch năm tháng tuần, nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế để trẻ được thực hành, tạo sự lôi cuốn trẻ tham gia vào các hoạt động, các cuộc trò chuyện bằng những câu hỏi ngắn về kinh nghiệm của trẻ. Các hoạt động trải nghiệm có tác động rất lớn đối với trẻ, giúp trẻ có niềm say mê tìm hiểu, thích khám phá và biết cách lĩnh hội những kiến thức mới giúp trẻ tự phát hiện ra những điều lý thú và đưa ra kết luận phù hợp [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01]; [H3-3.1-03]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên, giáo viên mới ra trường chưa nhạy bén và khéo léo trong việc xử lý tình huống giáo dục khi tổ chức hoạt động cho trẻ [H1-1.2-06]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các phương pháp, đảm bảo mục tiêu nội dung giáo dục, xây dựng môi trường học tập để trẻ được trải nghiệm, khám phá, giúp trẻ hứng thú, tích cực tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh, có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán và giải quyết các vấn đề phù hợp với độ tuổi.

3. Điểm yếu

Giáo viên mới ra trường chưa nhạy bén và khéo léo trong việc xử lý tình huống giáo dục khi tổ chức hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tăng cường học tập bồi dưỡng thường xuyên chú trọng kỹ năng quản lý lớp học và lắng nghe cảm xúc tích cực trong chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm giúp giáo viên vận dụng linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Hướng dẫn cho giáo viên mới ra trường cách giải quyết tình huống khi tổ chức hoạt động cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp với trạm y tế Phường 11 tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ như khám sức khỏe cho trẻ (02 lần/01 năm), tẩy giun (02 lần/01 năm), uống vitamin A (02 lần/01 năm), tiêm ngừa sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng [H5-5.3-01].

b) Đầu năm nhà trường tổ chức cân đo khám sức khỏe trẻ, năm học 2019 - 2020 có 464 trẻ - tỷ lệ 100% được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo qui định, theo dõi sức khỏe học sinh và tổng hợp sức khỏe trẻ hàng tháng [H5-5.3-01].

c) Nhà trường lập kế hoạch chăm sóc 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, thường xuyên theo dõi chế độ dinh dưỡng cho trẻ, thực hiện nghiêm túc sổ sách bán trú (đầu năm học 2019 - 2020 có 53/464 trẻ thừa cân - béo phì, cuối năm giảm 28/53 - tỷ lệ 52,8%; Đầu năm có 09/464 trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, cuối năm giảm 05/09, tỷ lệ 55,6%; Đầu năm học 2019 – 2020 có 01/464 trẻ suy dinh dưỡng chiều cao, cuối năm: giảm 01/01, tỷ lệ 100%). Nhà trường xây dựng chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ cận suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, tuyên truyền tranh ảnh và các chế độ ăn cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Kết hợp cho trẻ vận động các bài tập vận động hằng ngày phù hợp với từng độ tuổi. Nhà trường có các biện pháp để hạn chế tốc độ tăng cân, bằng các hình thức tuyên truyền với cha mẹ học sinh như: Cho trẻ uống sữa không béo hàng ngày, cho trẻ ăn thịt nạc, các món ăn nên chế biến ở dạng luộc, hấp, tránh chiên xào, cho trẻ ăn nhiều rau, nhiều trái cây, chú trọng bữa ăn sáng, giảm ăn về chiều tối, tăng cường cho trẻ hoạt động thể lực, hạn chế ngồi lâu khi xem ti vi hay chơi máy tính, tổ chức tăng cường vận động cho trẻ thừa cân - béo phì [H5-5.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì cho trẻ như: Tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-03].

b) Nhà trường xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2017. Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ phù hợp với từng độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. [H5-5.3-02].

c) Thống kê phân loại tình trạng sức khỏe trẻ vào mỗi đầu năm học, từ đó nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chế độ cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì như: Bữa ăn giữa giờ cho trẻ suy dinh dưỡng, vận động sau giờ thể dục sáng, khẩu phần ăn nhiều rau cho trẻ thừa cân - béo phì, tuy nhiên tỷ lệ phục hồi trẻ thừa cân - béo phì chưa cao [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trẻ tại trường được cân đo đầy đủ 100%, trẻ khỏe mạnh, tăng cân, phát triển bình thường [H5-5.3-01]. Tỷ lệ trẻ có chiều cao, cân nặng bình thường theo độ tuổi cụ thể như sau:

- Năm học 2015 - 2016: Kênh A 505/547 bé - tỷ lệ 92,3%.
- Năm học 2016 - 2017: Kênh A 512/518 bé - tỷ lệ 98,8%.
- Năm học 2017 - 2018: Kênh A 490/539 bé - tỷ lệ 90,9%.
- Năm học 2018 - 2019: Kênh A 483/510 bé - tỷ lệ 94,7%.
- Năm học 2019 - 2020: Kênh A 435/464 bé - tỷ lệ 93,75%.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ có sức khỏe phát triển bình thường đạt kênh A từ 90% trở lên.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ phục hồi trẻ thừa cân - béo phì chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động vận động cho trẻ trong lớp, ngoài trời. Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức các chuyên đề về dinh dưỡng nhằm tư vấn cho cha mẹ trẻ các kiến thức về thực phẩm, cách chế biến và sự kết hợp các dưỡng chất

giúp cha mẹ trẻ hiểu thêm về sự cân bằng dinh dưỡng để chế biến các bữa ăn cho trẻ hợp lý, nhằm giảm tỷ lệ trẻ dư cân - béo phì.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 05 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 05 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 05 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 05 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 05 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 05 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 05 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2019 - 2020, đối với trẻ 05 tuổi, tỷ lệ chuyên cần đạt: 96,2%. Đối với trẻ dưới 05 tuổi, tỷ lệ chuyên cần đạt: 92,4% (Nhà trẻ: 91,7%; 3 - 4 tuổi: 92,8%; 4 - 5 tuổi: 93%) [H1-1.5-01]

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, chất lượng giáo dục ngày càng được quan tâm, trẻ được chuẩn bị đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp Một. Năm học 2019 - 2020, nhà trường có 132/132 trẻ 05 tuổi - tỷ lệ 100% hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non [H4-4.2-01].

c) Năm học 2015 - 2016 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập và không có trẻ có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.5-01]; [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Trong năm học 2019 - 2020, đối với trẻ 05 tuổi, tỷ lệ chuyên cần đạt 96,2%. Đối với trẻ dưới 05 tuổi, tỷ lệ chuyên cần đạt 92,4% [H1-1.5-01].

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 05 tuổi được chuẩn bị đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp Một, năm học 2019 - 2020, nhà trường có 132/132 trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]

Mức 3:

a) 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-01].

b) Năm học 2015 - 2016 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]

Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện tốt việc theo dõi, đánh giá nhận xét đầy đủ các mặt phát triển của trẻ để đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp. Trẻ 5 - 6 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 05 tuổi và 100% trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non vào cuối năm học.

2. Điểm yếu

Kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập chưa được giáo viên quan tâm.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Động viên, khuyến khích phụ huynh cho trẻ đi học đều để đảm bảo chuyên cần của trẻ.

4. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Trường có kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ mang tính khả thi, trẻ phát triển bình thường, hài hòa cân đối, thực hiện được các vận động cơ bản và có khả năng phối hợp các giác quan khi vận động. Trẻ thói quen làm một số việc tự phục vụ bản thân trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giữ gìn sức khỏe. Trẻ thích tham gia vào các hoạt động khám phá tìm hiểu thế giới xung quanh một cách tích cực và diễn đạt bằng ngôn ngữ riêng của mình theo từng lứa tuổi. Trẻ đạt được một số kỹ năng ban đầu trong nghệ thuật và văn nghệ, trẻ 05 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 05 tuổi và hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản

Tỷ lệ chuyên cần và giảm thừa cân, béo phì chưa cao. Giáo viên mới ra trường chưa nhạy bén và khéo léo trong việc xử lý tình huống giáo dục khi tổ chức hoạt động.

Kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập chưa được giáo viên quan tâm.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non 11 đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ. Qua đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* Mức 1:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25 - tỷ lệ 100%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt: 00/25.

* Mức 2:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25 - tỷ lệ 100%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt: 00/25.

* Mức 3:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 13/19 - tỷ lệ 68,4%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt: 06/19 - tỷ lệ 31,6%.

Mức đánh giá của trường Mầm non 11: Mức 2;

Trường Mầm non 11 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Tân Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Nguyễn Ngọc Trâm

PHẦN IV - PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020.	Số 77/KH-MN11 ngày 25/9/2015	Trường Mầm non 11	
	2	[H1-1.1-02]	Báo cáo kết quả lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và công tác vận động nhân dân năm 2019; phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Đảng ủy phường 11, quận Tân Bình.	Số 387-BC/ĐU ngày 19/12/2019	Đảng ủy phường 11	
	3	[H1-1.1-03]	Cổng thông tin điện tử của trường - Đường dẫn cổng Thông tin điện tử những hình ảnh xây dựng và phát triển nhà trường 2015-2020. - Hình ảnh niêm yết Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	

			trường giai đoạn 2015-2020.			
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường - Quyết định thành lập. - Kế hoạch - Biên bản họp. - Nghị quyết	- QĐ số 189/QĐ- GDĐT ngày 24/11/2016 của Phòng GD&ĐT - QĐ số 212/QĐ- UBND ngày 23/4/2020 của UBND Q.TB	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình; Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.	
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng Thi đua khen thưởng - Quyết định thành lập - Biên bản họp	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Tuyển sinh - Quyết định thành lập - Kế hoạch tuyển sinh - Phân công nhiệm vụ - Báo cáo công tác tuyển sinh	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2015-2016	Trường	

			- Quyết định thành lập Hội đồng chấm Sáng kiến kinh nghiệm - Biên bản họp - Sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Mầm non 11	
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ chấm thi giáo viên dạy giỏi - Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi - Kế hoạch - Danh sách Giáo viên dự thi - Kết quả chấm thi - Biên bản họp	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	6	[H1-1.2-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	7	[H1-1.2-07]	Hồ sơ quy chế dân chủ. - Công khai. - Biên bản giám sát. - Kế hoạch.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 11	

			- Báo cáo quý, năm	Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ hoạt động của Công đoàn - Quyết định thành lập. - Nghị quyết. - Biên bản họp. - Kế hoạch hoạt động - Sơ kết, tổng kết.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Công đoàn trường Mầm non 11	
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ hoạt động của Chi đoàn - Quyết định thành lập. - Nghị quyết. - Biên bản họp. - Kế hoạch hoạt động - Sơ kết, tổng kết.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Chi đoàn trường Mầm non 11	
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ hoạt động của Chi hội chữ thập đỏ - Quyết định thành lập. - Nghị quyết. - Biên bản họp. - Kế hoạch hoạt động - Sơ kết, tổng kết.	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Chi hội chữ thập đỏ trường Mầm non 11	

	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hoạt động của Chi Hội khuyến học - Quyết định thành lập. - Kế hoạch hoạt động - Sơ kết, tổng kết.	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11	
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ - Quyết định thành lập. - Nghị quyết. - Biên bản họp. - Giấy khen - Danh sách công đoàn, chi đoàn giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Chi bộ trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ nhân sự - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hiệu trưởng - Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng. - Văn bằng, chứng chỉ. - Quyết định, hợp đồng lao động. - Sơ yếu lý lịch.	QĐ số 180/QĐ-UBND-TC ngày 29/7/2020 QĐ số 223/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 QĐ số 61140/QĐ-UBND-TC ngày 19/6/2020	Ủy ban Nhân dân Quận Bình Tân	

			- Bằng khen, giấy khen			
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ Tổ chuyên môn: - Quyết định thành lập tổ. - Quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng, tổ phó. - Sổ sinh hoạt Tổ chuyên môn - Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn (năm, tháng)	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	3	[H1-1.4-03]	- Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính - Các phần mềm quản lý tài sản, IMas - Biên bản kiểm kê tài sản, tài chính. - Sổ theo dõi tài sản	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11	

	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ thực hiện các chuyên đề.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ - Hồ sơ trẻ từng nhóm, lớp - Bảng thống kê số liệu trẻ - Sổ điểm danh từng nhóm, lớp. Sổ theo dõi điểm danh toàn trường. - Bảng thống kê tỷ lệ chuyên cần. - Hồ sơ trẻ khuyết tật	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý công tác bán trú - Hồ sơ quản lý chỉ đạo - Hồ sơ sinh hoạt chuyên môn	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Mầm non 11	

			- Hồ sơ chuyên đề	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý chuyên môn - Hồ sơ quản lý chỉ đạo - Hồ sơ sinh hoạt chuyên môn - Hồ sơ theo dõi Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi - Hồ sơ chuyên đề	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11		
4	[H1-1.6-04]	Sổ đăng ký công văn đi, đến - Danh mục hệ thống hồ sơ của nhà trường	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11		
5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quyết toán tài chính - Biên bản kiểm tra tài chánh	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11		
6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ công khai - Biên bản	Năm 2015 Năm 2016	Trường Mầm non 11		

			- Quyết định. - Kế hoạch kiểm tra tài sản, tài chính.	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019		
	7	[H1-1.6-07]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11	
	8	[H1-1.6-08]	Các phần mềm quản lý hành chính: - Phần mềm quản lý cán bộ công chức - Phần mềm EPMIS - Phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục - Phần mềm phổ cập giáo dục	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng. - Bảng thống kê trình độ đội ngũ.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch năm học	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Trường Mầm non 11	

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công phân nhiệm	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ Hội nghị Cán bộ - Công chức - Viên chức	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	5	[H1-1.7-05]	Hồ sơ lương	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của giáo viên	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Giáo viên	

			- Kế hoạch Mind Manager - Giáo án điện tử	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
	2	[H1-1.8-02]	Bằng khen, giấy khen - Về công tác chuyên môn - Về thực hiện quy chế dân chủ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể	
Tiêu chí 1.9	2	[H1-1.9-01]	Hồ sơ tiếp công dân - Số điện thoại đường dây nóng. - Hộp thư	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ An ninh trật tự - Biên bản triển khai. - Biên bản kiểm tra	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm - Biên bản triển khai. - Biên bản kiểm tra	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Mầm non 11	

				Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ Phòng tránh tai nạn thương tích - Biên bản triển khai. - Biên bản kiểm tra	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11		
4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ an toàn phòng chống cháy nổ - Biên bản triển khai. - Biên bản kiểm tra	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11		
5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh - Biên bản triển khai. - Biên bản kiểm tra	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11		
6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ y tế trường học - Hợp đồng nước uống Lavie và xét nghiệm nước.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Mầm non 11		

			- Phiếu xét nghiệm nước sinh hoạt. Hợp đồng thu gom rác thải, y tế.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng trường Mầm non	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	- Danh sách giáo viên, nhân viên có thông tin trình độ.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H2-2.3-02]	Công văn, tài liệu tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Trường Mầm non 11	

				Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 2.3	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường. - Hồ sơ thiết kế - Sơ đồ trường học		Trường Mầm non 11	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh về sơ sở vật chất - Sơ đồ các phòng học và phòng hoạt động - Đồ dùng đồ chơi - Các trang thiết bị - Các loại bảng biểu	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 3.1	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh hoạt động của trẻ - Chăm sóc vườn cây của bé - Trẻ hoạt động ngoài trời. - Hoạt động học tập, vui chơi. Sản phẩm của trẻ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	

	4	[H3-3.1-04]	Hồ sơ quản lý trang thiết bị đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời - Biên bản kiểm kê. - Danh mục đồ dùng đồ chơi. Biên bản kiểm tra định kỳ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	1	[H3-3.4-01]	Hồ sơ trang thiết bị đồ dùng bán trú. - Sổ quản lý tài sản. - - Biên bản kiểm kê.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	1	[H3-3.5-01]	Danh mục các đồ dùng đồ chơi các lớp theo qui định - Sổ tài sản các lớp - - Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi trong lớp	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 3.4	2	[H3-3.5-02]	Hồ sơ hội thi làm đồ dùng đồ chơi - Kế hoạch hội thi - Báo cáo sơ kết. - Hình ảnh minh họa.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 11	

				Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 3.5	3	[H3-3.5-03]	Hồ sơ sửa chữa, thanh lý tài sản. - Bản thống kê thiết bị sửa chữa. - Hóa đơn.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng kết nối mạng LAN - Hợp đồng các phần mềm. - Hóa đơn thanh toán internet.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ ban đại diện Cha mẹ trẻ em. - Quyết định thành lập - Kế hoạch hoạt động - Danh sách ban đại diện	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch truyền thông - Kế hoạch - Nội dung truyền thông - Hình ảnh minh họa tuyên truyền đến	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 11	

			phụ huynh - Báo cáo tổng kết công tác truyền thông	Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 4.1	3	[H4-4.1-03]	Hồ sơ công tác xã hội hóa giáo dục - Biên bản tiếp nhận tài trợ. Hóa đơn, chứng từ.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non - Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi - Bảng tổng hợp đánh giá trẻ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	2	[H4-4.2-02]	- Hồ sơ giảm học phí cho trẻ	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	

Tiêu chí 4.2	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ hoạt động lễ hội, sự kiện. - Kế hoạch hoạt động - Các hình ảnh minh họa - Báo cáo (nếu có)	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	4	[H4-4.2-04]	Hồ sơ xây dựng đơn vị văn hóa	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ kết quả đánh giá trẻ em	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	- Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em. Bản kiểm tra cân đo khám sức khỏe trẻ hàng năm	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 11	

				Năm học 2019-2020		
	2	[H5-5.3-02]	Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ tuyên truyền, tư vấn sức khỏe. - Hình ảnh. - Kế hoạch. - Nội dung	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 11	